

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 426/QĐ-HVPNVN ngày 26/4/2025 của Giám đốc học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo tiến sĩ quản trị kinh doanh đào tạo những nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu về quản trị kinh doanh; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có thể sử dụng thành thạo các lý thuyết cốt lõi, nền tảng về quản trị kinh doanh, các phương pháp, công cụ, công nghệ thông tin, kỹ thuật nghiên cứu khoa học tiên tiến để thiết kế, thực hiện, quản lý nghiên cứu khoa học độc lập; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức; thiết lập mạng lưới hợp tác trong hoạt động nghiên cứu cũng như quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức; khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học; có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, tinh thần phục vụ nhân dân và ý thức bình đẳng giới.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - + Tên tiếng Anh: Business Administration
 - + Mã ngành đào tạo: 9340101
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ Tiến sĩ từ 3 năm (36 tháng) đối với nghiên cứu sinh có trình độ đầu vào là Thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ và 4 năm (48 tháng) đối với nghiên cứu sinh có trình độ đầu vào là đại học ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ.

Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập nghiên cứu toàn khóa không quá 1 năm (12 tháng) hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 6 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến ngày họp xét hồ sơ bảo vệ luận án cấp Học viện.

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng Tiến sĩ Quản trị kinh doanh (Doctor of Business Administration).
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

2. Triết lý và Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Triết lý giáo dục của Chương trình đào tạo

Bên cạnh triết lý giáo dục của Học viện Phụ nữ Việt Nam là “*Giáo dục Toàn diện - Chất lượng - Bình đẳng*”, chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản trị kinh doanh kiên định triết lý giáo dục “*Hiện đại - Thực tiễn - Sáng tạo - Đặc thù*”.

- *Hiện đại*: phương thức, nội dung đào tạo được cập nhật và điều chỉnh định kỳ và thường xuyên theo khuynh hướng phát triển của ngành về mặt học thuật và yêu cầu, thực tiễn phát triển của xã hội về công nghệ, kinh doanh và quản lý;

- *Thực tiễn*: đào tạo gắn liền với thực tế kinh doanh, doanh nghiệp, doanh nhân trong nội dung các học phần và những chương trình, hoạt động bổ trợ;

- *Sáng tạo*: đào tạo khai phá và phát triển tư duy sáng tạo không ngừng của cả người học và giảng viên trước, trong và sau thời gian dạy và học;

- *Đặc thù*: mục tiêu và nội dung có tính chất đặc thù về giới gắn liền với các kiến thức chuyên môn kinh tế, kinh doanh và quản lý.

2.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản trị kinh doanh có thể:

PO1: Vận dụng những kiến thức thực tế và lý thuyết cốt lõi, nền tảng cập nhật, chuyên sâu về quản trị kinh doanh, các phương pháp, công cụ, công nghệ thông tin, kỹ thuật nghiên cứu khoa học tiên tiến trong việc nghiên cứu khoa học và quản lý, điều hành chuyên môn.

PO2: Thành thạo kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề mới một cách sáng tạo, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PO3: Thực hiện truyền bá, phổ biến tri thức trong và ngoài nước, thiết lập mạng lưới hợp tác trong hoạt động nghiên cứu, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức.

PO4: Thành thạo kỹ năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu; khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học cấp ngành, khu vực và quốc gia.

PO5: Thể hiện tính chuyên nghiệp cao trong công việc chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, tinh thần phục vụ nhân dân, thượng tôn pháp luật, trách nhiệm xã hội, ý thức bình đẳng giới.

3. Điều kiện tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023 (gọi tắt là Quy chế tuyển sinh Tiến sĩ).

3.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

3.1.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ quản trị kinh doanh cần có các điều kiện sau về văn bằng và công trình nghiên cứu:

a) Có bằng thạc sĩ hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngành quản trị kinh doanh loại giỏi trở lên;

b) Là tác giả của 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Đối với ngành học, người dự tuyển cần đáp ứng một trong các điều kiện về ngành học như sau:

a) Người có bằng tốt nghiệp phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh, hoặc có bằng thạc sĩ nhóm ngành/ngành Kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, Kế toán – Kiểm toán, và Quản trị - Quản lý.

b) Trong trường hợp người dự tuyển có bằng thạc sĩ thuộc nhóm ngành Kinh tế học, Luật kinh tế thì học viên phải học bổ sung các học phần của chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (Quản trị marketing nâng cao, Quản trị chất lượng nâng cao, Tài chính công ty, Quản trị nguồn nhân lực nâng cao, Quản trị chiến lược nâng cao).

c) Trường hợp người dự tuyển chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy thuộc nhóm ngành/ngành Quản trị kinh doanh, Kinh doanh. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có 02 công trình nghiên cứu được đăng trên tạp chí chuyên ngành (thuộc danh mục Hội đồng chức danh giáo sư ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành có liên quan công bố cùng thời điểm) hoặc kỷ yếu hội thảo cấp trường trở lên (được xuất bản và lưu chiếu) có nội dung cập nhật liên quan và phù hợp với đề tài luận án tiến sĩ. Ngoài chương trình học chính, nghiên cứu sinh sẽ phải hoàn thành các học phần bổ sung 30 tín chỉ.

3.1.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục 3 của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

3.1.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Học viện (nếu có).

3.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.3. Hồ sơ ứng tuyển

01 Đơn ứng tuyển

02 Sơ yếu lý lịch

01 Bản sao bằng cấp cao nhất

01 Bản sao bảng điểm của bằng cấp cao nhất

01 Chứng chỉ tiếng Anh/ngoại ngữ

01 Bản sao giấy chứng nhận kiểm tra sức khỏe

04 Ảnh thẻ (ảnh trong thời hạn 06 tháng, kích thước 4x6 cm)

02 Thư giới thiệu

03 Bản các công trình nghiên cứu đã công bố

01 Đề xuất nghiên cứu

Lưu ý: Các ứng viên không có bằng thạc sĩ lĩnh vực/ngành Quản trị kinh doanh phù hợp sẽ được yêu cầu tham gia các khóa học chuyển đổi.

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1: Khái quát hóa các khái niệm, lý thuyết cốt lõi, nền tảng, cập nhật về khoa học quản trị kinh doanh (chiến lược, nhân sự, marketing, tài chính, vận hành, chất lượng), phân tích giới trong quản trị và có kiến thức chuyên sâu về một hoặc một

số lĩnh vực cụ thể của quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học hoặc trong thực tiễn quản trị kinh doanh.

PLO2: Hệ thống hóa các khái niệm, phương pháp, mô hình, công cụ, kỹ thuật định lượng và định tính trong nghiên cứu khoa học cũng như trong hoạt động thực tiễn.

4.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO3: Có khả năng phân tích, đưa ra các cách thức, giải pháp, phương án giải quyết các vấn đề phức tạp của quản trị kinh doanh một cách kịp thời và tối ưu nhất.

PLO4: Có khả năng xây dựng (thiết kế), tổ chức thực hiện và đánh giá một nhiệm vụ khoa học & công nghệ (bao gồm cả luận án tiến sĩ) về lĩnh vực quản trị kinh doanh để góp phần kiến tạo tri thức mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học.

PLO5: Có khả năng viết, trình bày, công bố thành công ít nhất 2 bài báo khoa học trên các hội thảo khoa học hoặc/ và trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín tại Việt Nam hoặc nước ngoài trong thời gian học tập tại Học viện.

PLO6: Có khả năng lãnh đạo nhóm, quản lý công việc và thiết lập mạng lưới hợp tác hiệu quả trong nghiên cứu khoa học cũng như trong quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức/ doanh nghiệp.

4.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO7: Thể hiện khả năng tự định hướng nghiên cứu khoa học và dẫn dắt người khác trong chuyên môn, khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh cấp ngành, khu vực và quốc gia.

PLO8: Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp cao trong công việc chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, tinh thần phục vụ nhân dân, ý thức bình đẳng giới.

4.4. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể				
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1	3	2	2	2	1
PLO2	3	2	2	2	1
PLO3	2	3	2	1	2
PLO4	2	3	2	2	2
PLO5	2	3	2	1	2
PLO6	2	1	3	2	2
PLO7	1	1	1	3	2
PLO8	1	1	1	2	3

Ghi chú: 1 = Đóng góp ở mức thấp (giới thiệu); 2 = Đóng góp ở mức trung bình (nâng cao); 3 = Đóng góp ở mức cao (trọng tâm)

5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp tiến sĩ quản trị kinh doanh có thể công tác trong các cơ quan, đơn vị thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo sau:

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cao hoặc cán bộ chuyên môn trong các tổ chức kinh tế xã hội và nghề nghiệp (doanh nghiệp trong nước và quốc tế,...);
- Cố vấn, chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý, quản trị;
- Cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý nhà nước các cấp;
- Cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn trong các tổ chức phi chính phủ;
- Nghiên cứu viên, giảng viên tại các viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục và đào tạo;
- Tự thành lập, làm chủ doanh nghiệp và điều hành công ty.
- Quản lý các bộ phận ứng dụng chuyển đổi số.

6. Cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học

6.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng khối lượng học tập của CTĐT là 90 tín chỉ.

- Phân bổ theo các khối kiến thức như sau:

Các chuyên đề và tiểu luận tổng quan: 9 tín chỉ

Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses): 9 tín chỉ

Các học phần tự chọn (Elective Courses), chọn 2 trong 5 học phần : 6 tín chỉ

Luận án tiến sĩ (PhD Thesis): 66 tín chỉ

6.2. Khung chương trình dạy học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Tổng số giờ tín chỉ		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, tiểu luận, thảo luận	Tự học
I	Các chuyên đề và Tiểu luận tổng quan nghiên cứu		9			
1.	TSTH01	Tiểu luận tổng quan nghiên cứu (chuyên đề tiến sỹ 1)	3	0	30	120
2.	TSTH02	Chuyên đề tiến sỹ 2 (NCS sinh hoạt chuyên môn tại Khoa)	3	0	30	120
3.	TSTH03	Chuyên đề tiến sỹ 3 (NCS sinh hoạt chuyên môn tại Khoa)	3	0	30	120
II	Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses)		9			
4.	TSTH04	Lý thuyết tổ chức	3	15	60	75
5.	TSKT04	Phương pháp nghiên cứu trong Kinh tế và QTKD	3	15	60	75
6.	TSKT03	Phân tích thống kê và mô hình Hồi quy cấu trúc nâng cao	3	15	60	75
III	Các học phần tự chọn (Elective Courses) Chọn 2 trong 5 học phần		6			
7.	TSTH07	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	15	60	75
8.	TSKT01	Các vấn đề tài chính trong môi trường toàn cầu	3	15	60	75
9.	TSPR01	Lý thuyết Marketing và hành vi	3	15	60	75
10	TSKT02	Giới trong kinh tế và quản trị: các hướng nghiên cứu mới	3	15	60	75
11	TSTH09	Quản trị công ty	3	15	60	75
IV	Luận án tiến sĩ (PhD Thesis)		66			
12	TSTH08	Luận án tiến sĩ	66	0	1.650	1.650

6.3. Dự kiến kế hoạch dạy học

Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ học song song chương trình tiến sĩ và các học phần bổ sung theo chương trình đào tạo. Nghiên cứu sinh có thể học các học phần kiến thức bổ sung theo Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Năm 1	Xây dựng đề cương nghiên cứu chi tiết	
	Tổng quan các công trình nghiên cứu (chuyên đề 1)	
	Học các học phần trong chương trình tiến sĩ	
	Bảo vệ đề cương nghiên cứu chi tiết Luận án Tiến sĩ và Bảo vệ chuyên đề tổng quan nghiên cứu (chuyên đề 1)	
	Học các học phần bổ sung theo CTĐT ThS QTKD	Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ
Năm 2	Thực hiện chuyên đề tiến sĩ 2 (bao gồm cả khảo sát, thu thập thông tin)	
	Thực hiện chuyên đề tiến sĩ 3 (bao gồm cả khảo sát, thu thập thông tin)	
	Thực hiện viết, công bố bài báo khoa học trên các tạp chí, hội thảo có điểm đạt theo quy định	
	Bảo vệ các chuyên đề tiến sĩ 2 và 3	
	Học các học phần bổ sung tiếp theo theo CTĐT ThS QTKD	Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ
Năm 3	Viết và hoàn thiện luận án tiến sĩ	
	Thực hiện viết, công bố bài báo khoa học trên các tạp chí, hội thảo có điểm đạt theo quy định	
	Bảo vệ luận án cấp cơ sở, gửi phản biện kín và Bảo vệ luận án cấp Trường (cuối năm thứ ba).	

6.4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra							
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1.	TSTH01	Tiểu luận tổng quan (Literature Review)	2	3	2	3	2	2	3	3
2.	TSTH02	Chuyên đề 1 (Research Paper 1)	1	1	1	3	2	2	2	3
3.	TSTH03	Chuyên đề 2 (Research Paper 2)	1	1	1	3	2	2	2	3
4.	TSKT04	Phương pháp nghiên cứu trong Kinh tế và QTKD (<i>Research Methodology for Economics and Business Administration</i>)	1	3	2	3	2	2	2	2
5.	TSTH09	Quản trị công ty (Corporate Governance)	3	2	2	2	1	1	2	2
6.	TSTH04	Lý thuyết tổ chức (Theories of Organization)	3	2	2	2	2	2	2	2
7.	TSTH07	Quản trị chiến lược toàn cầu (Global Strategic Management)	3	2	1	2	1	1	2	2
8.	TSKT03	Phân tích thống kê và mô hình Hồi quy cấu trúc nâng cao (<i>Advanced Statistical Analysis and Structural Equation Modeling</i>)	1	3	2	1	1		2	2
9.	TSKT01	Các vấn đề tài chính trong môi trường toàn cầu (<i>Financial Issues in the Global Environment</i>)	3	2	2	2			2	2

TT	Mã HP	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra							
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
10.	TSPR01	Lý thuyết Marketing và hành vi (<i>Marketing and Behavioral Theory</i>)	3	2	2	2	1	1	2	
11.	TSKT02	Giới trong kinh tế và quản trị: các hướng nghiên cứu mới (<i>Gender in Economics and Management: new research directions</i>)	3	1		3			2	2
12.	TSTH08	Luận án tiến sĩ (PhD Thesis)	3	3	3	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1 = Đóng góp ở mức thấp (giới thiệu); 2 = Đóng góp ở mức trung bình (nâng cao); 3 = Đóng góp ở mức cao (trọng tâm)

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

7.1. Quy trình đào tạo

Theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT về “*Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ*” ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023.

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Nghiên cứu sinh được xét công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ quản trị kinh doanh nếu có đủ các điều kiện sau:

- Hoàn thành đầy đủ khối lượng và nội dung học tập của CTĐT;
- Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trước hội đồng chấm luận án và đạt yêu cầu thẩm định đối với các luận án thuộc diện thẩm định;
- Đã nộp bản luận án, tóm tắt luận án, kèm theo đĩa compact (CD) ghi toàn bộ nội dung luận án, tóm tắt luận án, giới thiệu luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh, các bài báo đã công bố kèm theo phần mềm để đọc các nội dung đó (nếu cần) cho Thư viện Quốc gia và Trung tâm Thông tin Thư viện - Học viện Phụ nữ Việt Nam để đưa vào cơ sở dữ liệu số hóa;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, nghiên cứu sinh không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghiên cứu sinh không đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp chứng nhận điểm các học phần, chuyên đề đã hoàn thành trong chương trình đào tạo và được cấp các chứng chỉ theo các khối kiến thức đã hoàn thành. Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam cấp chứng nhận điểm học phần, chuyên đề và các chứng chỉ khối kiến thức cho nghiên cứu sinh.

Học viện Phụ nữ Việt Nam hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã đáp ứng các điều kiện theo quy định trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án. Việc quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ được tiến hành sau 3 tháng kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị. Hồ sơ này phải được lưu trữ theo quy định.

Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho các nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án trên cơ sở các hồ sơ chấm luận án (bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định).

Bằng tiến sĩ có chữ kí của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, được đóng dấu của Học viện Phụ nữ Việt Nam. Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam cấp bằng điểm học tập cho nghiên cứu sinh của đơn vị mình kèm theo bằng tiến sĩ đã được cấp. Bảng điểm học tập của nghiên cứu sinh bằng tiếng Việt và tiếng Anh, ghi rõ tên

chuyên ngành, tên học phần, số tín chỉ của học phần, điểm học phần, tổng số tín chỉ các học phần, điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá, tên đề tài luận án, kết quả chấm luận án và tập thể cán bộ hướng dẫn.

Học viện Phụ nữ Việt Nam tổ chức trao bằng tiến sĩ theo nghi lễ mỗi năm một lần cho tất cả các nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo trong năm.

8. Phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập

- NCS tham gia các học phần lý thuyết theo CTĐT;
- Học viên tự nghiên cứu thông qua các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, giáo trình tài liệu tham khảo; Tự giác trong việc tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia nghiên cứu theo nhóm; Tích cực khai thác các tài nguyên trên internet và trong thư viện của Học viện phụ nữ Việt Nam, Thư viện Quốc Gia, các thư viện của các Trường Đại học khác ở trong và ngoài nước để phục vụ cho việc tự nghiên cứu và làm luận án tiến sĩ; Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá học phần.

8.1. Phương pháp, công nghệ dạy học

- Sử dụng phương pháp giảng dạy bậc tiến sĩ tích cực trong suốt quá trình đào tạo, khuyến khích và tạo cơ hội cho nghiên cứu sinh chủ động sáng tạo nhằm phát triển khả năng phân tích, phát triển và giải quyết các vấn đề.
 - Giảng dạy trên lớp và giảng dạy trực tuyến trên hệ thống CDS của HVPNVN:
 - + Bài giảng trực tiếp của giảng viên;
 - + Bài tập thực hành - thảo luận;
 - + Bài tập lớn hoặc tiểu luận.
 - Phương pháp thực hành, hội thảo, tự nghiên cứu
 - + Nghiên cứu sinh sẽ tham quan thực tế để trao đổi kinh nghiệm;
 - + Nghiên cứu sinh tích cực tham dự các buổi hội thảo khoa học có chủ đề liên quan đến đề tài nghiên cứu.
 - + Nghiên cứu, phân tích, đánh giá các bài báo khoa học, báo cáo kết quả phân tích.
 - Sử dụng các phần mềm xử lý số liệu như SPSS, AMOS,..., các ứng dụng AI.

8.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Điểm chấm các học phần, chuyên đề theo thang điểm 10, sử dụng các mẫu chấm điểm theo tiêu chí (rubrics).
- Tổ chức kiểm tra thường xuyên, bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của đề cương chi tiết học phần; Tổ chức thi kết thúc học phần.
- Chấm điểm kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc môn học theo quy định.

9. Đội ngũ giảng viên

STT	Họ và tên	Giới tính	Học hàm, học vị	Ngành học		Ghi chú
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	
1	Trần Quang Tiến	Nam	PGS.TS	Kinh tế	Kinh tế	
3	Lại Xuân Thủy	Nam	PGS. TS	QTKD	QTKD	
4	Nguyễn Hùng Cường	Nam	TS	QTKD	QTKD	
5	Lê Văn Sơn	Nam	TS	QTKD	QTKD	
6	Phùng Thị Quỳnh Trang	Nữ	TS	Kinh doanh thương mại	Kinh doanh thương mại	
7	Lê Hồng Việt	Nữ	TS	Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế	
8	Lê Thị Hằng	Nữ	TS	QTKD	QTKD	
9	Ngô Thị Hồng Nhung	Nữ	TS	QTKD	QTKD	
10	Phạm Thị Hạnh	Nữ	TS	Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế	
11	Nguyễn Nam Hải	Nam	TS	QTKD	QT Nguồn nhân lực	
12	Đoàn Thị Hà Thanh	Nữ	TS	QTKD	QT Nguồn nhân lực	
13	Vũ Mạnh Cường	Nam	TS	QTKD	QTKD	
14	Vũ Thị Hà	Nữ	TS	Kinh tế	Kinh tế	

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

10.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị phục vụ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g
Trụ sở chính: 68 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội						
1.	Phòng học Hội trường, phòng	1	560	Âm ly, loa,	Bộ	1

STT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị phục vụ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	học lớn trên 200 chỗ			micro		
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	1
				Bàn	Cái	30
				Ghế	Cái	300
				Điều hòa	Cái	8
2.	Phòng học từ 100-200 chỗ	7	970	Âm ly, loa, micro	Bộ	7
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	7
				Bàn ghế	Bộ	500
				Điều hòa	Cái	40
3.	Phòng học từ 50-100 chỗ	40	3200	Âm ly, loa, micro	Bộ	57
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	57
				Bàn ghế	Bộ	1.400
				Điều hòa	Cái	80
4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	3	135	Âm ly, loa, micro	Bộ	3
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	3
				Bàn ghế	Bộ	80
				Điều hòa	Cái	3
5.	Phòng học chất lượng cao	1		Âm ly, loa, micro	Bộ	1
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	1
				Bàn ghế	Bộ	30
				Điều hòa	Cái	2

STT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị phục vụ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
				Màn hình tương tác dòng E 86 inches	Cái	1
				Camera phục vụ giảng dạy trực tuyến	Bộ	1
6.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	270	Kệ giá để sách	Bộ	2
				Máy tính	Bộ	2
				Bàn ghế	Bộ	
				Điều hòa	Cái	4
7.	Phòng thực hành Khoa QTKD	01	345	Âm ly, loa, micro	Bộ	03
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	02
				Bàn ghế	Bộ	170
				Điều hòa	Cái	2
8.	Phòng thực hành du lịch	01	135	Âm ly, loa, micro	Bộ	1
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	1
				Bàn ghế	Bộ	
				Điều hòa	Cái	
9.	Phòng học đa phương tiện: Phòng thực hành Tin học, Ngoại ngữ, CNTT (LAB)	5	450	Máy chiếu	Cái	5
				Máy tính	Bộ	233
				Tai nghe	Cái	150
				Bàn ghế	Bộ	150
				Điều hòa	Cái	10
10.	Phòng Studio cách âm	01	65	Âm ly, loa, micro	Bộ	1
				Máy quay	Cái	4
				Máy tính	Bộ	1

STT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị phục vụ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
				Tivi	Cái	2
				Máy ảnh	Cái	7
				Màn hình xuất hình ảnh	Cái	1
				Ống kính	Cái	1
				Điều hòa	Cái	2
				Míc không dây	Cái	1
II. Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh: 620 Đỗ Xuân Hợp, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh						
1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	560	Âm ly, loa, micro	Bộ	1
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	1
				Bàn ghế	Bộ	200
				Điều hòa	Cái	4
2.	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	2	240	Âm ly, loa, micro	Bộ	2
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	2
				Bàn ghế	Bộ	150
				Điều hòa	Cái	4
3.	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	5	320	Âm ly, loa, micro	Bộ	5
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	5
				Bàn ghế	Bộ	175
				Điều hòa	Cái	10
4.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	120	Máy tính	Bộ	
				Bàn ghế	Bộ	
				Điều hòa	Cái	2
5.	Trung tâm nghiên cứu, phòng	1	70	Âm ly, loa,	Bộ	1

STT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị phục vụ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập			micro		
				Máy tính	Bộ	
				Bàn ghế	Bộ	35
				Điều hòa	Cái	1

III. Cơ sở Gia Lâm: Đường 179, xã Dương Xá, Kiều Ky, Gia Lâm, Hà Nội (đang xây dựng)

1.	Hội trường		2.704			
2.	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	16	1622			
3.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	10	370			
4.	Thư viện, phòng thực hành		4.914			

10.2. Thư viện

- Thư viện có diện tích 280 m²
- Số chỗ ngồi: 80 chỗ
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu 14 máy, có kết nối internet;
- Phần mềm quản lý thư viện: LIBOL 8.0
- Số lượng sách, giáo trình các loại: 25.888 bản.
- Thư viện điện tử liên kết ngoài: 02
- Thư viện điện tử được xây dựng gắn với đào tạo trực tuyến.
- Số đầu giáo trình dùng cho chương trình đào tạo ngành QTKD trình độ tiến sĩ:

22 đầu sách.

10.3. Danh mục tài liệu của ngành đào tạo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Ghi chú
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa	Nguyễn Đình Thọ	Lao động - Xã hội,	10	Phương pháp nghiên cứu trong	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Ghi chú
	học trong kinh doanh		2013, Việt Nam		kinh tế và QTKD (<i>Research Methodology for Economics and Business Administration</i>)	
2.	Kiểm soát quản trị: Các nguyên tắc, chính sách và thông lệ = Corporate governance: principles, policies and practices	Bob Tricker (Người dịch: Nguyễn Thị Thu Hương)	Tổng Hợp TPHCM, 2020, Việt Nam	05	Quản trị công ty (Corporate Governance)	
3.	Organization Theory: Modern, Symbolic, and Postmodern Perspectives. Fourth Edition. ISBN 0198723989.	Mary Jo Hatch	Oxford University Press, 2018, UK	01	Lý thuyết tổ chức (Organizational Theories)	
4.	Giáo trình Quản trị chiến lược	PGS.TS. Ngô Kim Thanh	Đại học Kinh tế quốc dân, 2014, Việt Nam	14	Quản trị chiến lược toàn cầu (Global Strategic Management)	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Ghi chú
5.	Essentials of Econometrics	Gujarati, Damodar N.	SAGE, 2021, English	01	Phân tích thống kê và mô hình Hồi quy cấu trúc nâng cao (Advanced Statistical Analysis and Structural Equation Modeling)	
6.	Kinh tế lượng ứng dụng: Phần cơ bản và cơ sở: Dành cho các khối Tài chính, ngân hàng...	Phạm Trí Cao và Vũ Minh Châu	Lao động - Xã hội, 2010, Việt Nam	30	Phân tích thống kê và mô hình Hồi quy cấu trúc nâng cao (Advanced Statistical Analysis and Structural Equation Modeling)	
7.	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh	Tài chính, 2015, Việt Nam	30	Các vấn đề tài chính trong môi trường toàn cầu (Financial Issues in the Global Environment)	
8.	Marketing Management. 16th Edition	Kotler P., and Keller K.L.	Pearson, 2022, England	01	Lý thuyết Marketing và hành vi (Marketing and Behavioral Theory)	
9.	Giáo trình Giới trong Kinh tế và Quản trị	Trần Quang Tiến & Dương Kim Anh (Đồng chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021, Việt Nam	51	Giới trong kinh tế và quản trị: các hướng nghiên cứu mới (<i>Gender in Economics and Management: new research directions</i>)	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Ghi chú
10.	Strategic management: A focus on process	Certo, Samuel C.	2nd ed.- Homewood, IL. Irwin 1993	01	Quản trị chiến lược toàn cầu (Global Strategic Management)	

11. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1.	TSTH01	Tiểu luận tổng quan (Literature Review)	Tiểu luận tổng quan bao gồm các nội dung chính như sau: Phần mở đầu: Tính cấp thiết, nội dung, phương pháp và phạm vi nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu của chuyên đề. Phần 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước - Hệ thống các công trình, bài viết đã được công bố, kể cả luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ liên quan đến đề tài luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh hoặc liên quan đến vấn đề mà luận án đề cập. - Nêu, phân tích, đánh giá những mặt được và chưa được của các nghiên cứu này trong giải quyết vấn đề mà luận án nghiên cứu. - Nêu được các tồn tại liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án mà các nghiên cứu đã thực hiện, đồng thời chỉ ra các khoảng trống mà luận án có thể tiến hành nghiên cứu, tập trung giải quyết. Phần 2: Khoảng trống nghiên cứu Phần 3: Hướng nghiên cứu và khung lý thuyết nghiên cứu Phần 4: Kết luận Danh mục tài liệu tham khảo

2.	TSTH02	Chuyên đề 1 (Research Paper 1)	Các chủ đề nghiên cứu khuyến nghị nhưng không giới hạn gồm có: - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị marketing, bán hàng - Quản trị nguồn lực - Quản trị nhân sự - Quản trị chiến lược, chính sách - Quản trị đổi mới sáng tạo - Quản trị tri thức - Quản trị tổ chức, hoạt động - Quản trị chất lượng - Quản trị tài chính - Quản trị hiệu quả Kết cấu chuyên đề 1. Phần mở đầu: Bao gồm các nội dung: Tính cấp thiết, mục tiêu, phạm vi, nội dung, phương pháp, kết quả nghiên cứu 2. Phần 1: Cơ sở lý thuyết 3. Phần 2: Phương pháp nghiên cứu 4. Phần 3: Kết quả nghiên cứu 5. Kết luận 6. Tài liệu tham khảo 7. Phụ lục
3.	TSTH03	Chuyên đề 2 (Research Paper 2)	Các chủ đề nghiên cứu khuyến nghị nhưng không giới hạn gồm có: - Cơ sở lý thuyết và thực tiễn vấn đề nghiên cứu - Phương pháp nghiên cứu - Kết quả nghiên cứu Kết cấu chuyên đề 1. Phần mở đầu: Bao gồm các nội dung: Tính cấp thiết, mục tiêu, phạm vi, nội dung, phương pháp, kết quả nghiên cứu 2. Phần 1: Cơ sở lý thuyết 3. Phần 2: Phương pháp nghiên cứu 4. Phần 3: Kết quả nghiên cứu 5. Kết luận 6. Tài liệu tham khảo 7. Phụ lục

4.	TSTH09	Quản trị công ty (Corporate Governance)	Học phần đề cập đến các nội dung về khung pháp lý quản trị công ty; quản trị chiến lược, quản lý rủi ro trong công ty; giới thiệu hội đồng quản trị công ty bao gồm chủ tịch hội đồng quản trị và các thành viên, giới thiệu và phân loại giám đốc công ty; phân tích các hoạt động của hội đồng quản trị công ty cũng như đánh giá hội đồng quản trị công ty.
5.	TSTH04	Lý thuyết tổ chức (Theories of Organization)	Học phần Lý thuyết tổ chức nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu, phân tích, đánh giá, phát triển, hoàn thiện các mô hình, cấu trúc, các thành tố và hệ thống của tổ chức; Trang bị cho nghiên cứu sinh những lý thuyết, khái niệm, mô hình, công cụ, phương pháp cơ bản và nâng cao của lý thuyết tổ chức và vận dụng trong một môi trường cạnh tranh quốc tế; Rèn luyện cho nghiên cứu sinh những kỹ năng nâng cao trong phân tích môi trường của tổ chức, phân tích, đánh giá và xây dựng, phát triển những mô hình tổ chức phù hợp trong môi trường cạnh tranh; Phát triển những phẩm chất của nhà quản lý, nhà khoa học có tầm nhìn, tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng thay đổi và ứng phó với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.
6.	TSKT04	Phương pháp nghiên cứu trong Kinh tế và QTKD (<i>Research Methodology for Economics and Business Administration</i>)	Học phần cung cấp cho NCS các hướng dẫn cần thiết về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh liên quan các phương pháp và kỹ năng tổng quan tài liệu, xây dựng đề cương, kế hoạch nghiên cứu, phương pháp khảo sát và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và công bố kết quả nghiên cứu. Học phần hướng dẫn NCS kỹ năng tổng quan tài liệu từ các cơ sở dữ liệu như Web of Science (WoS), Scopus, Google Scholar (GS), Microsoft Academic (MA) vv..., sử dụng Phần mềm phân trắc thư mục (Bibliometrics) VOSViewer.

7.	TSKT03	Phân tích thống kê và mô hình Hồi quy cấu trúc nâng cao (Advanced Statistical Analysis and Structural Equation Modeling)	Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức về Phân tích thống kê và mô hình Hồi quy cấu trúc và cách thức sử dụng các hàm, các phương pháp kiểm định, phân tích phương sai, cách khắc phục các sai phạm thông qua việc chọn mẫu, xử lý các biến đầu vào. Vận dụng những kiến thức có được từ môn học giúp xử lý được các mô hình phân tích hồi quy để giải các bài toán kinh tế, tài chính. NCS được hướng dẫn sử dụng các phần mềm phân tích thống kê hiện đại như SPSS, AMOS, sử dụng các phương pháp phân tích định lượng hiện đại như Phân tích nhân tố khám phá (EFA) và Phân tích nhân tố khẳng định (CFA), Phân tích hồi quy cấu trúc (SEM) và các kỹ thuật phân tích khác.
8.	TSTH07	Quản trị chiến lược toàn cầu (Global Strategic Management)	Học phần Quản trị chiến lược toàn cầu cung cấp những nội dung kiến thức về các vấn đề liên quan đến quá trình toàn cầu hóa và hoạch định chiến lược toàn cầu như: Tổng quan về toàn cầu hóa, hoạch định chiến lược toàn cầu, hoạch định cấu trúc tổ chức toàn cầu, các vấn đề về liên minh chiến lược toàn cầu, sáp nhập và mua lại DN, đánh giá tính hấp dẫn của các quốc gia, các chiến lược xâm nhập thị trường. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức về quản trị chiến thuật trong thực thi chiến lược toàn cầu như: quản trị marketing toàn cầu, quản trị vận hành toàn cầu, quản trị đổi mới và văn hóa toàn cầu, quản trị nguồn nhân lực toàn cầu, quản trị tài chính toàn cầu. Những vấn đề mới nổi của toàn cầu hóa và những xu hướng toàn cầu cũng được giới thiệu nhằm giúp cho nghiên cứu sinh có một kiến thức tổng quát về quản trị chiến lược toàn cầu trong tương lai gần.
9.	TSKT01	Những vấn đề tài chính trong môi trường toàn cầu (Financial Issues in the Global Environment)	Học phần này trang bị kiến thức về các vấn đề nổi bật hiện nay đối với tài chính doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu. Theo đó, người học tiếp cận các lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp thông qua các nghiên cứu điển hình đồng thời nghiên cứu đặc điểm của các yếu tố ảnh hưởng trong môi trường quốc tế đối với các hành vi tài chính doanh nghiệp.

10.	TSPR01	Lý thuyết Marketing và hành vi (<i>Marketing and Behavioral Theory</i>)	Lý thuyết marketing và hành vi là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức các học phần tiến sĩ chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này gồm nhiều chuyên đề nhỏ trình bày các lý thuyết chuyên sâu và nâng cao; các quan điểm lý thuyết mới, các nghiên cứu cập nhật từ các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành uy tín; các ứng dụng lý thuyết về marketing, hành vi trong thực tiễn tại các doanh nghiệp, tổ chức,... với các chủ đề đa dạng, cập nhật.
11.	TSKT02	Giới trong kinh tế và quản trị: các hướng nghiên cứu mới (<i>Gender in Economics and Management: new research directions</i>)	Giới trong kinh tế và quản trị: các hướng nghiên cứu mới là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức các học phần tiến sĩ chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh. Học phần tiếp cận nhận thức, cập nhật xu hướng mới, hiện đại những vấn đề mới về giới trong kinh tế và quản trị và vận dụng các phương pháp tiếp cận từ góc độ giới, các công cụ phân tích và lồng ghép giới để phân tích và tạo ra những thay đổi tích cực về bình đẳng giữa nam và nữ trong tham gia vào hoạt động kinh tế, quản trị có tính bao trùm và phát triển theo hướng bền vững.
12.	TSTH08	Luận án tiến sĩ (<i>PhD Thesis</i>)	Luận án tiến sĩ là một công trình nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, có những đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp có giá trị trong phát triển, nâng cao tri thức khoa học đối với lĩnh vực nghiên cứu, góp phần giải quyết các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn của đời sống kinh tế - xã hội. Kết cấu luận án 1. Phần mở đầu Bao gồm các nội dung: Tính cấp thiết, mục tiêu, phạm vi, nội dung, phương pháp, tóm tắt kết quả nghiên cứu 2. Tổng quan và cơ sở lý luận 3. Phương pháp luận nghiên cứu 4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận 5. Kết luận và kiến nghị 6. Tài liệu tham khảo 7. Phụ lục

12. Đánh giá và cải tiến chương trình dạy học

- Thời điểm ban hành CDR, CTĐT lần đầu: 2023
- Thời điểm chỉnh sửa lần gần nhất:
- Các chương trình đào tạo được đối sánh trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa

- + Đối sánh với chuẩn CTĐT do Bộ ban hành
- + Các chương trình đào tạo trong nước: Chương trình đào tạo Tiến sĩ Ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Ngoại Thương.
- + Các chương trình đào tạo nước ngoài: Chương trình đào tạo Tiến sĩ Ngành Quản trị kinh doanh của Florida International University (Hoa Kỳ). ✓

GIÁM ĐỐC ✓

PGS. TS. Trần Quang Tiến

VIỆT
NAM